TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Lệ Hoa

2. Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau *tham gia phiên tòa*: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Vũ L (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị N (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 18, xã B, Thới Bình, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đỗ Vũ L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 21/9/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do chị N yêu cầu được ra sống riêng, đi Sài Gòn làm thuê, anh L không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên cải vã, chị N bỏ nhà đi từ năm 2018 cho đến nay, gia đình hai bên có hàn

gắn nhiều lần nhưng không thành. Anh L xét thấy không thể tiếp tục chung sống với chị N được nữa nên anh yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N có hai người con chung là Đỗ Thái B, sinh ngày 25/11/2012 và Đỗ Thị Ngọc V, sinh ngày 08/6/2015, hiện do anh L đang nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho chị Phạm Thị N nhưng chị không có ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử N án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của anh L về hôn nhân; về con chung là có cơ sở chấp nhận; về cấp dưỡng nuôi con anh L không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc anh L yêu cầu ly hôn với chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm lần thứ hai nhưng chị vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Anh L và chị N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống do không thông cảm, tôn trọng nhau, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng nên đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần để anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Điều đó, cho thấy hôn nhân của anh, chị đã lâm vào

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Xét về tình trạng hôn nhân và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu của anh L được ly hôn với chị N.

[2] Về con chung: Anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung. Xét thấy, các cháu B và V đang chung sống ổn định với anh L, chị N không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh L, giao các con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh L phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do anh L đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị N.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Anh Đỗ Vũ L và Phạm Thị N được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao các cháu Đỗ Thái B, sinh ngày 25/11/2012 và Đỗ Thị Ngọc V, sinh ngày 08/6/2015 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 06/01/2020 anh L đã nộp tạm ứng án phí số tiền

300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010862 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn